

Số: /2023/NQ-HĐND Bình Dương, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT
**Quy định một số chế độ hỗ trợ để áp dụng các biện pháp
cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;
Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;
Xét Tờ trình số 3385/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ hỗ trợ để áp dụng các biện pháp cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 49/BC-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chế độ hỗ trợ để áp dụng các biện pháp cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc

a) Hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập

- Tiền ăn: mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng bằng 0,8 lần mức lương cơ sở. Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị nhưng không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

- Tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu (gồm: tiền chăn, màn, chiếu gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với nữ) hàng năm: mức hỗ trợ bằng 0,9 lần mức lương cơ sở/người/lần.

b) Hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của tỉnh trở về địa phương thực hiện quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú: cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc thực hiện mua sắm quần áo với mức tối đa 400.000 đồng/bộ và cấp 01 (một) bộ/người (nếu họ không có).

2. Hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, tại cộng đồng

Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, tại cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 (ba) giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ: hỗ trợ 1,0 lần mức lương cơ sở.

3. Hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

a) Chi phí cai nghiện ma túy (*bao gồm: khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ và theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế*); chi phí thuốc chữa bệnh thông thường, phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS, các bệnh truyền nhiễm và phòng, chống dịch bệnh cho người cai nghiện bị ốm được điều trị tại phòng y tế của cơ sở cai nghiện; chi phí điều trị các bệnh cơ hội khác (nếu có): hỗ trợ 95%.

Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập là: thương binh; người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; người thuộc hộ nghèo; người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; trẻ em mồ côi; người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng: hỗ trợ 100%.

b) Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần (trừ trường hợp đã được điều trị cắt cơn tại tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng): hỗ trợ 100%.

c) Tiền ăn, quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với nữ: hỗ trợ bằng 70% mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

d) Chỗ ở: hỗ trợ 100% chi phí.

4. Hỗ trợ đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai

nghiện ma túy theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: 0,6 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ

1. Kinh phí hỗ trợ người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập được bố trí trong dự toán hàng năm của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (kinh phí đảm bảo xã hội).

2. Kinh phí hỗ trợ đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và chế độ hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 3. Bãi bỏ khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương quy định một số khoản đóng góp, chế độ giảm một phần chi phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng; chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương quy định mức đóng góp, chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị Quyết này.

Điều 5. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X kỳ họp 11 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Các Bộ: LĐTBXH; Tài chính; Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm Công báo tỉnh Bình Dương;
- Website, Báo, Đài PT-TH Bình Dương;
- Các phòng thuộc Văn phòng, App, Web;
- Lưu: VT, C (4).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lộc